

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT  
CON NGỰA VÀ CON NGÕNG (NUÔI THƯƠNG PHẨM)  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

(Kèm theo Quyết định số: 14 /2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**I. CON NGỰA**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Định mức lao động</b>			
1.1	Công lao động phổ thông	Con/ công	15	Lao động trực tiếp sản xuất
1.2	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y (đối với ngựa nuôi thương phẩm)	Con/ công	55	Sử dụng lao động có trình độ từ trung cấp trở lên, có chuyên môn phù hợp; thời gian nuôi thương phẩm tối đa không quá 30 tháng.
1.3	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y (đối với ngựa nuôi vỗ béo)	Tháng/ cán bộ	5	Sử dụng lao động có trình độ từ trung cấp trở lên, có chuyên môn phù hợp. Quy mô 55 con/công; thời gian nuôi vỗ béo tối đa không quá 5 tháng.
<b>2</b>	<b>Định mức chuồng trại</b>			
	Chuồng tính cho 01 con	m <sup>2</sup> /con	5-7	5-7 m <sup>2</sup> nền chuồng/1 con ngựa; nền chuồng lát xi măng, hoặc xây gạch nghiêng, nền chuồng cao hơn mặt đất từ 15-20cm, có độ dốc 2-3%, có rãnh thoát nước, có toang văng, hoặc có tường xây lửng,... có hồ chứa phân và chất thải rắn, có hệ thống mái che đảm bảo không bị mưa nắng để quản lý vật nuôi.
<b>3</b>	<b>Định mức giống, vật tư</b>			
3.1	Đối tượng ngựa đưa vào nuôi thương phẩm, nuôi vỗ béo là các giống ngựa nội, nhập nội và các tổ hợp lai được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định.			
3.2	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều/ con	1	Sử dụng thuốc theo liều quy định của nhà sản xuất
3.3	Thuốc tẩy nội KST	Liều/ con	1	
3.4	Thức ăn hỗn hợp	Kg/ con/ ngày	2-2,5	Hàm lượng Protein $\geq$ 14%
3.5	Thức ăn thô xanh	Kg/ con/ ngày	30-35	Cỏ voi, các loại cỏ trồng khác, hoặc thân lá cây ngô
3.6	Chế phẩm vi sinh	Kg/ con	0,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của nhà sản xuất

## II. CON NGỒNG

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Định mức lao động</b>			
1.1	Công lao động phổ thông	Con/ công	400	Lao động trực tiếp sản xuất
1.2	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y.	Tháng/ cán bộ	5	Sử dụng lao động có trình độ từ trung cấp trở lên, có chuyên môn phù hợp. Quy mô 1.000 con; thời gian nuôi tối đa không quá 5 tháng.
<b>2</b>	<b>Định mức chuồng trại</b>			
	Chuồng nuôi ngỗng	m <sup>2</sup> / con	0,33	Nền chuồng láng xi măng, nền chuồng cao hơn mặt đất từ 15-20cm, có độ dốc 2-3%, hoặc chuồng sử dụng đệm lót sinh học, có rãnh thoát nước, có hệ thống lưới, phen quây, có mái che đảm bảo không bị mưa nắng để quản lý vật nuôi.
<b>3</b>	<b>Định mức giống, vật tư</b>			
3.1	Giống được công nhận tiên bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở			
3.2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/ con	9	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án, protein từ 18-21%
3.3	Vắc -xin	Liều/ con	4	Tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất, gồm: 02 liều Dịch tả; 01 liều Viêm gan; 01 liều Cúm gia cầm.
3.4	Hoá chất sát trùng	Lít/ con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định